TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Thùy;

+ Ông Nguyễn Thái Duy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2019 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Tuyết M, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Trương Hà S, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ngân hàng C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Chg – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C – Chi nhánh L – Phòng giao dịch huyện L.

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án.

(Chị M có mặt; anh S, ông Ch có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hoàng Tuyết M trình bày: Chị và anh S xây dựng gia đình với nhau năm 2009, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, Lâm Đồng vào tháng 02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khi chị sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S không chú tâm làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho gia đình và vợ con mà còn ham chơi, rượu chè. Mỗi khi nhậu say thì anh S còn đánh chị và có những lời nói thiếu tế nhị đối với chị. Mặc dù, bản thân chị và gia đình hai bên đã nhiều lần động viên nhưng anh S không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị M xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không cải thiện được do không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn.

Về con chung: chị M xác định giữa chị và anh S có 02 con chung là Trương Gia H, sinh ngày 23/12/2009 và Trương Gia B, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung là Trương Gia H và giao con chung là Trương Gia B cho anh S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh S có nợ Ngân hàng C – Chi nhánh L – Phòng giao dịch L số tiền 50.000.000 đồng; Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm mỗi người trả ½ số nợ; Nợ bà Hoàng Thị V số tiền 34.000.000đồng; Khi ly hôn vợ chồng chị và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Hà S trình bày: Anh và chị M xây dựng gia đình với nhau năm 2009, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, Lâm Đồng vào tháng 02/2009. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S xác định giữa anh và chị M có 02 con chung là Trương Gia H, sinh ngày 23/12/2009 và Trương Gia B, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S xác định vợ chồng có nợ như chị M trình bày là đúng. Khi ly hôn anh S đề nghị tự thỏa thuận về việc trả nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C, do ông Nguyễn Thanh Ch đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo hồ sơ vay vốn số 6600000714123945, Ngân hàng C – Chi nhánh L – Phòng giao dịch huyện L cho chị M, anh S vay số tiền gốc là 50.000.000đồng. Khi chị M và anh S ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu vợ chồng chị M và anh S phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 50.271.233, trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng vay là 271.233đồng. Đồng thời, yêu cầu chị M và anh S tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S, ông Ch có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S; khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung là Trương Gia H và giao con chung là Trương Gia B cho anh S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; đối với tài sản chị không yêu cầu giải quyết; đối với nợ chung: chị đề nghị vợ chồng mỗi người sẽ có trách nhiệm trả ½ các khoản nợ. Còn anh S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M; khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M và anh S được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao cháu Trương Gia H cho chị M được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và giao cháu Trương Gia B cho anh S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về nợ chung: Đối với khoản nợ của chị Hoàng Thị T, số tiền là 32.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thu H số tiền 48.500.000đồng thì anh S và chị

M đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết; Đối với khoản nợ 34.000.000đồng của bà Hoàng Thị V đề nghị không xem xét do các đương sự không có yêu cầu, trường hợp sau này có tranh chấp thì sẽ xem xét giải quyết sau.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với yêu cầu buộc chị M và anh S phải trả cho Ngân hàng khoản nợ 50.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Anh Trương Hà S, ông Nguyễn Thanh Ch vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh S và ông Ch là hoàn toàn phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Tuyết M và anh Trương Hà S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị Hoàng Tuyết M làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị M xác định vợ chồng mâu thuẫn là do anh S chơi bời, nhậu nhẹt, về nhà còn đánh đập chị nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Còn anh S vắng mặt nhưng trong lời khai của mình thì anh S cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị M và anh S phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng lại không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên thường hay xảy ra xung đột. Mặt khác, do cả đôi bên đều không nhẫn nhịn, không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nên mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng vẫn chung sống một nhà nhưng vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng và đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng để cải thiện. Do đó, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Tuyết M, xử cho chị Hoàng Tuyết M và anh Trương Hà S được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Hoàng Tuyết M và anh Trương Hà S có 02 con chung là Trương Gia H, sinh ngày 23/12/2009 và Trương Gia B, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy và giao cháu Bảo cho anh S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh S yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị M và anh S đều chính đáng, nhưng khi giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển toàn diện cho trẻ. Nhận thấy, hiện nay các cháu vẫn đang ở cùng chị M và anh S, các cháu vẫn đang đi học và phát triển bình thường. Qua kết quả xác minh của Tòa án thì chị M hiện đang nấu ăn cho trường mẫu giáo nên cũng có thu nhập để nuôi con; còn anh S làm vườn cà phê cũng tạo được thu nhập và có điều kiện để nuôi con, đồng thời, cháu Huy hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ và bố. Tuy nhiên, nay chị M và anh S xác định không chung sống với nhau nữa mà yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, học tập và phát triển ổn định, tốt nhất cho trẻ cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con là Trương Gia H sinh ngày 23/12/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con là Trương Gia B, sinh ngày 02/8/2014 cho anh S có trách nhiệm, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị M và anh S cùng xác định tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị M và anh S cùng xác định, quá trình chung sống có nợ: chị Hoàng Thị T, số tiền là 32.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thu H số tiền 48.500.000đồng, số nợ này anh S và chị M đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ bà Hoàng Thị V số tiền 34.000.0000đồng thì chị M và anh S và bà V đều đề nghị để các bên tự thỏa thuận về việc trả nợ với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này nếu chị M và anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Đối với khoản nợ Ngân hàng C thì chị M và anh S cùng xác định có vay của Ngân hàng và còn nợ tổng số tiền là 50.000.000đồng. Tại phiên tòa, chị M đề nghị chị và anh S cùng có trách nhiệm trả mỗi người 1/2 số nợ cho Ngân hàng khi khoản nợ đến hạn thanh toán theo hợp đồng và tại bản tự khai của anh S cũng xác định có nợ Ngân hàng C như chị M trình bày là đúng, tuy nhiên anh không có ý kiến gì về số nợ này. Còn đại diện Ngân hàng C là ông Nguyễn Thanh Ch có yêu cầu độc lập và có ý kiến xác định, chị M và anh S có vay của Ngân hàng khoản vay

theo hồ sơ vay vốn số 6600000714123945, Ngân hàng C – Chi nhánh L – Phòng giao dịch huyện L cho chị M, anh S vay số tiền gốc là 50.000.000đồng. Khi chị M và anh S ly hôn, Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng chị M và anh S phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 50.000.000đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng vay là 271.233đồng. Đồng thời, yêu cầu chị M và anh S tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[6]. Xét thấy, chị M và anh S vay của Ngân hàng vào ngày 24/11/2018 chị M ký hồ sơ vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000đồng, lãi suất là 7,920%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 10,296%/năm lãi suất khi cho vay, mục đích vay theo diện chính sách hộ nghèo, hạn trả nợ gốc định kỳ 12 tháng, mỗi kỳ trả 10.000.000đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 24/11/2023. Số tiền vay này chị M xác định là vay để sử dụng vào mục đích của gia đình và là nợ chung của vợ chồng anh, chị. Mặc dù, khoản nợ vay trên thì chị M và anh S đều thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận của hồ sơ vay đã ký với Ngân hàng và khoản nợ chưa đến hạn trả cuối cùng. Tại phiên tòa, chị M đề nghị chia đôi khoản nợ cho chị và anh S cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khi khoản vay đến hạn thanh toán xong. Nhưng theo hồ sơ vay thể hiện Ngân hàng C cho chị M và anh S vay khoản nêu trên theo diện chính sách hộ cận nghèo. Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới"* về các nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Nay, chị M và anh S ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam về việc thu hồi vốn cho hộ gia đình (vợ chồng chị M và anh S) vay. Do vậy, Ngân hàng C yêu cầu chị M và anh S phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay là có cơ sở và cần xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, cần buộc chị M và anh S mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện L số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng. Đồng thời, chị M và anh S phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay số 6600000714123945 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[8]. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng (25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000đồng). Tổng số tiền án phí sơ thẩm chị M phải chịu là 1.550.000đồng.

Anh S phải chịu 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng (25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Tuyết M, xử cho chị Hoàng Tuyết M và anh Trương Hà S được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Trương Gia H, sinh ngày 23/12/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con là Trương Gia B, sinh ngày 02/8/2014 cho anh S có trách nhiệm, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về nợ chung: Buộc chị M và anh S mỗi người phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 25.000.000đồng; đồng thời chị M và anh S phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc là 50.000.000đồng theo hồ sơ vay thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C số 6600000714123945 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng C.

4/ Về án phí: Chị Hoàng Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí sơ thẩm chị M phải chịu là 1.550.000đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Tuyết M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001034 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị Hoàng Tuyết M còn phải nộp 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Hà S phải chịu 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thùy **Thạch Thị Lan Nhung** **Nguyễn Văn Thanh**